TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Lê Hữu Tới

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chùy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1987, vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà B, ngõ C, đường H, khu phố C, tổ C, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1982, vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà A, khu phố G, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện tại anh Nguyễn Văn Q đang lao động tại nước ngoài.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Tôi (Lê Thị T) và anh Nguyễn Văn Q kết hôn tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục tập quán; được UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 19/3/2009.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hòa thuận với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, khác biệt về tính cách, khiến tình cảm hai vợ chồng không còn như trước. Gia gia đình hai bên khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, nhưng không có kết quả. Năm 2011 anh Nguyễn Văn Q đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó anh Q không còn quan tâm đến vợ con. Tôi xác định tình cảm vợ chồng của chúng tôi không còn như trước, vì khoảng cách địa lý mỗi người một nơi. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh Nguyễn Văn Q không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Hằng N, sinh ngày 07/10/2009 và cháu Nguyễn Kim N1, sinh ngày 22/02/2019. Hiện nay hai con đang chung sống cùng tôi. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con; tôi không yêu cầu anh Q1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi (T) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn anh Nguyễn Văn Q, nhưng hiện nay anh Q không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án được.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền lợi ích hợp pháp, bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn Q; giao hai con chung là cháu Nguyễn Hằng N, sinh ngày 07/10/2009 và cháu Nguyễn Kim N1, sinh ngày 22/02/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi; Anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; Về tài sản và công nợ chị T không giải quyết nên không xem xét. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị T làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Q có hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Tại thời điểm thụ lý, anh Q đã xuất cảnh, chưa nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cục Q3 - Bộ C có văn số 3964/QLXNC-P3 ngày 20/02/2024 trả lời Công văn số 25/CV-TA ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, với nội dung: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 26/9/1982 đã xuất nhập cảnh 3 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 18/01/2015, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tòa án đã tiến hành xác minh, yêu cầu ông Nguyễn Văn Q2 là bố của anh Nguyễn Văn Q cung cấp địa chỉ và thông báo cho anh Q biết về việc chị T có đơn xin ly hôn anh. Ông Q2 đã thông tin cho anh Q biết về việc chị T xin ly hôn, anh Q đồng ý ly hôn, nhưng anh Q không gửi văn bản ý kiến để Tòa án xem xét và không cung cấp địa cho ông để ông cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được và trường hợp này thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Ông Q2 không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/3/2009. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi nhau. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên nội ngoại hòa giải, phân tích nhưng không có kết quả. Anh Q đã đi xuất khẩu lao động từ năm 2011. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, anh Q không quan tâm đến vợ con; Nay chị T xác định tình cảm vợ không còn nên có nguyện vọng xin ly hôn anh Q.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Lê Thị T có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn Q là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Chị T và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Hằng N, sinh ngày 07/10/2009 và cháu Nguyễn Kim N1, sinh ngày 22/02/2019. Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Hội đồng xét xử giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi là phù phù hợp. Xét thấy chị T trình bày có đủ điều kiện chăm sóc con và việc không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[2.3] Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử:

- Về hôn nhân*:* Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung*:* Giao cháu cháu Nguyễn Hằng N, sinh ngày 07/10/2009 và cháu Nguyễn Kim N1, sinh ngày 22/02/2019 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000[đ] án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000[đ] chị đã nộp theo biên lai thu số 0000222 ngày 25/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu